

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/ST-HNGĐ

Ngày 14/01/2021

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Trình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Thảo; Ông Nguyễn Đức Khởi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phùng H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 14, xã L, huyện T, tỉnh P. (có mặt)

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 14, xã L, huyện T, tỉnh P. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn anh Phùng H trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn ngày 23/10/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn và hiện nay chúng tôi đều lao động tự do.

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận đến năm 2017, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn đến nay. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung và không thể chung sống hòa thuận với nhau được nữa, mặc dù tôi đã cố gắng nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên vợ chồng đã ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phùng Khánh L, sinh ngày 29/4/2009; Phùng Nguyễn Lan A, sinh 30/3/2013. Hiện tại hai con chung đang ở

với tôi và học tại xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh P. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Về thời gian, nơi kết hôn và những điều kiện kết hôn như anh H khai là đúng.

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được giai đoạn đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mãi chơi cờ bạc không quan tâm tới gia đình, tôi có khuyên giải thì anh H không nghe còn đánh tôi. Mặc dù tôi đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh H không thay đổi nên chúng tôi đã sống ly thân gần một năm nay. Nay anh H xin ly hôn tôi nhất trí vì tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn.

Con chung: Như anh H khai trên là đúng. Quan điểm của tôi đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nếu không được tôi xin nuôi một con chung là Phùng Nguyễn Lan A và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Các đương sự không có ý kiến thắc mắc gì về các tài liệu, chứng cứ các bên giao nộp. Về nội dung: Hai bên đương sự thuận tình ly hôn, con chung các bên tranh chấp không thỏa thuận được.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên toà;

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51,55,58, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng H với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về con: Giao con chung là Phùng Khánh L, sinh ngày 29/4/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Phùng Nguyễn Lan A, sinh ngày 30/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung của anh H, chị T.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phùng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công bố tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với Khoản 1 - Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung: Đây là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa anh Phùng H với chị Nguyễn Thị Hồng T. Anh H và chị T kết hôn ngày 28/10/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã L), huyện T tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau, mỗi bên sống theo ý thích riêng của mình, không có tiếng nói chung. Chính vì vậy, hai bên thường xuyên xảy ra sung đột nên hai bên sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh H và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đồng thời vợ chồng xét thấy tình cảm thực sự không còn nên thuận tình ly hôn. Vì vậy, việc thuận tình ly hôn của anh H và chị T là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và thực tế đời sống vợ chồng nên được chấp nhận. Do đó, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng H với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phùng Khánh L, sinh ngày 29/4/2009; Phùng Nguyễn Lan A, sinh 30/3/2013.

Khi ly hôn anh H xin nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nếu không được chị xin nuôi một con chung là Phùng Nguyễn Lan A và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Yêu cầu nuôi con của các bên đều là nguyện vọng chính đáng vì tình cảm cha, mẹ với các con. Mặc dù cả hai con đều có nguyện vọng ở với anh H nếu anh H và chị T ly hôn và hiện tại các con chung đang học tại xã P (nay là xã L), huyện T nhưng về thu nhập cả anh H và chị T đều đang ổn định nên điều kiện nuôi con của cả hai bên đều phù hợp với pháp luật. Việc nguyện vọng của con chung ở với anh H hay chị T không phải là điều kiện bắt buộc mà khi quyết định phải xem xét đến khả năng nuôi con của các bên. Chị T đề nghị nếu không được nuôi cả hai con chung thì chị xin nuôi cháu Phùng Nguyễn Lan A. Xét thấy con chung là cháu A là con gái, đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên yêu cầu xin được nuôi một con chung là cháu A là phù hợp. Chính vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên cần giao con chung Phùng Khánh L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Phùng Nguyễn Lan A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi bên nuôi một con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với pháp luật.

Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Anh H và chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung là phù hợp với pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1 - Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1- Điều 227, Khoản 4 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng H.

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng H với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về con: Giao con chung là Phùng Khánh L, sinh ngày 29/4/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Phùng Nguyễn Lan A, sinh ngày 30/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung của anh H, chị T.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phùng H phải chịu 300.000đ . Xác nhận anh H đã nộp số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002683 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao Bản án giao cho họ hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã L;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Trình